

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA (VIỆT NAM)
(Thành lập tại Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 18

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã lập Báo cáo này để đệ trình cùng với các Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004.

CÔNG TY

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 07 tháng 9 năm 1992 và các Giấy phép Điều chỉnh.

Ngoài nhà máy và trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“sau đây được gọi là Trụ sở chính Đồng Nai”), Công ty còn có Chi Nhánh sản xuất hạch toán kế toán độc lập tại xã Cẩm Diên - Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương (“sau đây được gọi là Chi Nhánh Hải Dương”).

Hoạt động của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, dây cáp điện, động cơ điện và các sản phẩm máy bơm nước tại thị trường Việt Nam và nước ngoài. Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi năm (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép Đầu tư. Trụ sở chính Đồng Nai đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 06 năm 1995, còn Chi Nhánh Hải Dương thì từ tháng 01 năm 2005.

Tổng vốn Đầu tư của Công ty là 21.444.240 USD, trong đó vốn pháp định là 14.226.023 USD.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2004, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên các Báo Cáo Tài Chính từ trang 4 đến trang 18. Các Báo cáo Tài chính này được hợp nhất số liệu của Trụ sở chính Đồng Nai và Chi Nhánh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và đến ngày lập các Báo cáo Tài chính này bao gồm:

Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
Ông Shen Ta Chih	Thành viên
Ông Shen Shan Yi	Thành viên
Ông Shen Shang Hung	Thành viên
Ông Shen Shang Tao	Thành viên
Ông Shen Shang Hui	Thành viên
Ông Wang Wen Ruey	Thành viên
Ông Wang Yen Chung	Thành viên
Ông Chen Ping Sen	Thành viên / Tổng Giám Đốc
Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám Đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị hồ sơ để đệ trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho việc chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần theo chấp thuận của Chính Phủ Việt Nam tại công văn số 1325/CP-ĐMĐN ban hành ngày 16/09/2004.

Ngoại trừ vấn đề nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng Cân Đối Kế Toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo Tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 được phản ánh một cách trung thực và hợp lý. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Giám Đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình và giải thích trong các Báo cáo Tài chính hợp nhất; và
- Lập các Báo cáo Tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám Đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán và Báo cáo Tài chính được ghi chép, lập và lưu giữ cẩn thận để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và đã tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành. Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo Tài chính hợp nhất kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2004, phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành và các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám Đốc.

Chen Ping Sen
Tổng Giám Đốc
Ngày 25 tháng 06 năm 2005



Số: 29a - 05/AACC-HCM/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 từ trang 4 đến trang 18. Các Báo cáo Tài chính này đã được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam được trình bày ở Thuyết minh số 2 trong Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày tại trang 1 và trang 2, Ban Giám Đốc của Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo Tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về các Báo cáo Tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán và báo cáo với Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003 được kiểm toán bởi Công ty Kế toán Kiểm toán Tư vấn Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn bộ trong Báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 5 năm 2004.

CƠ SỞ ĐƯA RA Ý KIẾN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính đã không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và việc trình bày trên Báo cáo Tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành xem xét các nguyên tắc kế toán áp dụng và những ước tính quan trọng của Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trong Báo cáo Tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo Tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2004 và Kết quả Hoạt động Kinh doanh cũng như tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành.

Báo cáo này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Hoa, trong đó Bản tiếng Việt là bản gốc dùng làm cơ sở để đối chiếu.

Hà Quốc Khánh
Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0041/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY KẾ TOÁN KIỂM TOÁN
TƯ VẤN VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 06 năm 2005
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Võ Thái Hòa
Giám Đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Thành viên Hãng Deloitte Touche Tohmatsu

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B01-DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: VND'000

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2004	31/12/2003
100	A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		291.542.869	182.639.418
110	I. Tiền	2a	31.226.397	59.596.381
111	1. Tiền mặt		649.699	2.258.259
112	2. Tiền gửi ngân hàng		30.576.698	57.338.122
130	II. Các khoản phải thu		104.250.982	64.089.266
131	1. Phải thu thương mại	3	104.470.743	61.606.109
132	2. Trả trước cho người bán	3	546.607	-
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
134	4. Phải thu Bên liên quan	3	-	2.332.608
138	5. Phải thu khác	3	-	916.917
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	2b, 3	(766.368)	(766.368)
140	III. Hàng tồn kho	2c	154.818.065	57.354.346
141	1. Hàng mua đang đi trên đường		22.928.064	20.697.761
142	2. Nguyên liệu, vật liệu		56.432.217	11.830.920
143	3. Công cụ, dụng cụ		4.409.263	76.017
144	4. Sản phẩm dở dang		21.041.159	10.382.433
145	5. Thành phẩm		50.007.362	14.367.215
150	IV. Tài sản lưu động khác		1.247.425	1.599.425
151	1. Tạm ứng	3	43.030	2.001
152	2. Chi phí trả trước		93.600	122.210
153	3. Chi phí chờ kết chuyển		1.098.795	1.463.214
155	4. Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		12.000	12.000
200	B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN		214.944.842	95.882.248
210	I. Tài sản cố định		142.335.552	83.085.238
211	1. Tài sản cố định hữu hình	2d, 5	140.409.969	81.159.655
212	Nguyên giá		219.270.150	146.296.358
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.860.181)	(65.136.703)
217	2. Tài sản cố định vô hình	2e	1.925.583	1.925.583
218	Nguyên giá		1.925.583	1.925.583
219	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2f	63.201.169	10.117.169
241	III. Chi phí trả trước dài hạn	4	9.408.121	2.679.841
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		506.487.711	278.521.666

Thuyết minh Báo cáo Tài chính từ trang 10 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B01-DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: VND'000

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2004	31/12/2003
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		267.958.405	141.387.795
310	I. Nợ ngắn hạn		224.954.409	129.688.243
311	1. Vay ngắn hạn	3	131.077.994	92.144.270
312	2. Vay dài hạn đến hạn trả	6	15.534.719	3.407.214
313	3. Phải trả thương mại	7	12.818.268	3.936.054
314	4. Người mua trả tiền trước		3.113.041	806.244
315	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2j	11.581.178	4.714.145
316	6. Phải trả công nhân viên		3.208.535	2.480.582
317	7. Phải trả Bên liên quan		45.899.301	20.482.561
318	8. Phải trả khác		1.721.373	1.717.173
320	II. Nợ dài hạn		41.577.968	10.717.021
321	1. Vay dài hạn	3, 7	41.577.968	10.717.021
330	III. Nợ khác		1.426.028	982.531
331	1. Chi phí phải trả		1.426.028	982.531
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		238.529.306	137.133.871
410	I. Nguồn vốn		238.529.306	137.133.871
411	1. Vốn pháp định	8	182.676.271	137.133.871
413	2. Chênh lệch tỷ giá	2i	(75.191)	-
416	3. Lãi lũy kế		55.928.226	-
420	II. Quỹ		-	-
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		506.487.711	278.521.666

Chiu Chin Teng
Phó Tổng Giám Đốc

Chen Ping Sen
Tổng Giám Đốc
Ngày 25 tháng 06 năm 2005

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B02-DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN I: LÃI, LỖ

Đơn vị tính: VND'000

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2004	Năm 2003
01	Doanh thu gộp	2g	464.702.049	336.768.341
03	Các khoản giảm trừ		(1.165.912)	(50.350)
05	Giảm giá hàng bán		-	-
06	Hàng bán bị trả lại		(1.165.912)	(50.350)
10	Doanh thu thuần		463.536.137	336.717.991
11	Giá vốn hàng bán		(376.232.968)	(288.959.665)
20	Lãi gộp		87.303.169	47.758.326
31	Thu nhập hoạt động tài chính		665.209	387.856
32	Chi phí hoạt động tài chính		(4.184.318)	(2.836.759)
21	Chi phí bán hàng		(9.619.401)	(8.192.700)
22	Chi phí quản lý doanh nghiệp		(9.663.539)	(8.987.166)
30	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		64.501.120	28.129.557
41	Thu nhập khác		1.906.191	4.187.456
42	Chi phí khác		(133.555)	(1.018.025)
50	Lãi khác		1.772.636	3.169.431
60	Tổng lãi trước thuế		66.273.756	31.298.988
70	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	2j	(10.345.530)	(5.032.912)
80	Lãi sau thuế		55.928.226	26.266.076

Thuyết minh Báo cáo Tài chính từ trang 10 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B02-DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND'000

Mã Số	CHỈ TIÊU	Số phải nộp tại ngày 01/01/2004	Số phát sinh trong năm		Số phải nộp tại ngày 31/12/2004
			Số phải nộp	Số đã nộp	
10	I. Thuế	4.714.145	49.803.762	(42.936.729)	11.581.178
11	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(116.784)	15.029.715	(17.584.535)	(2.671.604)
	Trụ sở chính Đồng Nai	400.103	18.080.703	(17.584.535)	896.271
	Chi Nhánh Hải Dương	(516.887)	(3.050.988)	-	(3.567.875)
12	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	916.917	21.939.209	(21.070.729)	1.785.397
	Trụ sở chính Đồng Nai	916.917	20.920.033	(20.171.930)	1.665.020
	Chi Nhánh Hải Dương	-	1.019.176	(898.799)	120.377
13	3. Thuế Tiêu thụ Đặc biệt	-	-	-	-
14	4. Thuế Nhập khẩu	126.598	2.018.085	(1.967.470)	177.213
	Trụ sở chính Đồng Nai	126.598	1.704.958	(1.729.014)	102.542
	Chi Nhánh Hải Dương	-	313.127	(238.456)	74.671
15	5. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	3.760.549	10.345.530	(1.838.438)	12.267.641
20	6. Thuế khác	26.865	471.223	(475.557)	22.531
	Trụ sở chính Đồng Nai	15.752	414.293	(413.380)	16.665
	Chi Nhánh Hải Dương	11.113	56.930	(62.177)	5.866
40	TỔNG CỘNG	4.714.145	49.803.762	(42.936.729)	11.581.178

- Số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp cuối năm sẽ được kê khai khấu trừ như thuế GTGT đầu vào sau khi đã nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B03-DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM VÀ THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA

Đơn vị tính: VND'000

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2003
	I. Thuế GTGT được khấu trừ		
10	1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu năm	-	191.719
11	2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	32.154.196	18.602.970
12	3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ	(32.154.196)	(18.794.689)
	<i>Trong đó:</i>		
13	a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	(32.154.196)	(16.506.254)
14	b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-	(2.288.435)
15	c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	-	-
16	d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	-	-
17	4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối năm	-	-
	II. Thuế GTGT được hoàn lại		
20	1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu năm	-	-
21	2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	-	-
22	3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-	-
23	4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối năm	-	-
	III. Thuế GTGT được giảm		
30	1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu năm	-	-
31	2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	-	2.288.435
32	3. Số thuế GTGT đã được giảm	-	(2.288.435)
33	4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối năm	-	-
	IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa		
40	1. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu năm	(116.784)	-
41	2. Số thuế GTGT đầu ra phát sinh	43.362.500	19.917.187
42	3. Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(32.154.196)	(16.506.254)
43	4. Số thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	-	-
44	5. Số thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	-	(2.288.435)
45	6. Số thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào NSNN	(13.763.124)	(1.239.282)
46	7. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối năm	(2.671.604)	(116.784)

Chiu Chin Teng
Phó Tổng Giám Đốc

Chen Ping Sen
Tổng Giám Đốc
 Ngày 25 tháng 06 năm 2005

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

B03-DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: VND'000

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2003
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lãi trước thuế	66.273.756	31.298.988
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao Tài sản cố định hữu hình	15.167.886	13.198.292
03	- Dự phòng phải thu khó đòi	-	487.216
04	- Lỗ do chênh lệch tỷ giá của chi nhánh Hải Dương	(75.191)	-
05	- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	242.718	-
06	- Lỗ/(lãi) do thanh lý tài sản	93.423	(4.378)
07	- Chi phí lãi vay	3.053.794	1.706.824
08	- Thu nhập tiền lãi	(447.752)	(303.930)
09	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	84.308.634	46.383.012
10	- Tăng các khoản phải thu	(44.551.592)	(24.431.558)
11	- Tăng hàng tồn kho	(97.324.334)	(4.396.486)
12	- Tăng các khoản phải trả	40.857.351	8.680.141
13	- Tăng chi phí trả trước	(6.555.993)	471.267
14	- Lãi vay đã trả	(3.053.794)	(1.706.824)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.838.438)	(2.658.081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(28.158.166)	22.341.471
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi mua sắm và đầu tư TSCĐ	(128.016.748)	(33.897.075)
22	Thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	135.320	15.280
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(127.881.428)	(33.881.795)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tăng vốn pháp định	45.542.400	-
32	Thu từ lãi tiền gửi	447.752	303.930
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	432.160.146	219.073.712
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(350.480.688)	(163.566.111)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	127.669.610	55.811.531
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(28.369.984)	44.271.207
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	59.596.381	15.325.174
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	31.226.397	59.596.381

Chiu Chin Teng
Phó Tổng Giám Đốc

Chen Ping Sen
Tổng Giám Đốc
Ngày 25 tháng 06 năm 2005

Thuyết minh Báo cáo Tài chính từ trang 10 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 07 tháng 9 năm 1992 và các Giấy phép Điều chỉnh.

Ngoài nhà máy và trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam ("sau đây được gọi là Trụ sở chính Đồng Nai"). Công ty còn có Chi Nhánh sản xuất hạch toán kế toán độc lập tại xã Cẩm Điền - Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương ("sau đây được gọi là Chi Nhánh Hải Dương").

Hoạt động của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, dây cáp điện, động cơ điện và các sản phẩm máy bơm nước tại thị trường Việt Nam và nước ngoài. Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi năm (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép Đầu tư. Trụ sở chính Đồng Nai đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 06 năm 1995, Chi Nhánh Hải Dương bắt đầu từ tháng 01 năm 2005.

Tổng vốn Đầu tư của Công ty là 21.444.240 USD, trong đó vốn pháp định là 14.226.023 USD.

Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị hồ sơ để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho việc chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần theo chấp thuận của Chính Phủ Việt Nam tại công văn số 1325/CP-ĐMĐN ban hành ngày 16/09/2004.

Các Báo cáo Tài chính từ trang 4 đến trang 18 được hợp nhất số liệu của Trụ sở chính Đồng Nai và Chi Nhánh Hải Dương.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CƠ BẢN

Sau đây là những chính sách kế toán cơ bản được Công ty áp dụng trong việc lập các Báo Cáo Tài Chính:

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Hình thức sổ kế toán áp dụng là Chứng từ ghi sổ. Báo cáo Tài chính được trình bày bằng nghìn đồng Việt Nam ("VNĐ'000") theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3).

Các Báo cáo Tài chính kèm theo đã được lập phù hợp với các hướng dẫn tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành. Các hướng dẫn này có thể có một số điểm khác biệt quan trọng so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc Tế (các Chuẩn mực Kế toán Quốc tế trước đây) và các nguyên tắc, chuẩn mực được thừa nhận tại nước của người đọc Báo cáo năm ngoài phạm vi Việt Nam. Theo đó, các Báo cáo Tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ Kế toán tại các quốc gia và phạm vi ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CƠ BẢN (Tiếp theo)

a. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

b. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi thể hiện tổn thất được dự tính cho các khoản phải thu thương mại tại ngày 31/12/2004 có khả năng không thu hồi được.

c. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Trụ sở chính Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

d. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được phản ánh vào nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa đối với Trụ sở chính Đồng Nai được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh, còn đối với Chi Nhánh Hải Dương được phản ánh vào khoản mục chi phí trước hoạt động. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản của Trụ sở chính Đồng Nai và Chi Nhánh Hải Dương cũng được phản ánh như cách nêu trên.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản trong năm 2004 không thay đổi so với năm 2003, chi tiết như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 15
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	5
Tài sản khác	2 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CƠ BẢN (Tiếp theo)

e. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy sản xuất của Chi Nhánh Hải Dương. Vào thời điểm 31/12/2004, tài sản cố định vô hình chưa thực hiện trích khấu hao.

f. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

g. Ghi nhận doanh thu

Vì Chi Nhánh Hải Dương đi vào hoạt động tháng 01 năm 2005 nên toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm tài chính 2004 của Công ty là từ Trụ sở chính Đồng Nai.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao và người mua chấp thuận thanh toán.

h. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

i. Chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các đồng tiền khác với Việt Nam Đồng (“VNĐ”) được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh từ các nghiệp vụ này đối với Trụ sở chính Đồng Nai được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh, còn đối với Chi Nhánh Hải Dương được phản ánh vào khoản mục chi phí trước hoạt động.

Tại thời điểm cuối năm, tài sản bằng tiền và công nợ phản ánh bằng đồng tiền khác với đồng Việt Nam (“VNĐ”) được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá cùng ngày của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ này đối với Trụ sở chính Đồng Nai cũng được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, còn đối với Chi Nhánh Hải Dương thì được phản ánh vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá trên Bảng Cân đối Kế toán.

j. Thuế

Trụ sở chính Đồng Nai đã hết thời gian ưu đãi miễn giảm Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) và thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN hàng năm bằng 15% trên lợi nhuận thu được. Chi Nhánh Hải Dương được miễn thuế TNDN bốn (04) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong bốn (04) năm tiếp theo, thuế suất thuế TNDN bằng 15% lợi nhuận thu được trong mười hai (12) năm đầu và 25% cho các năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

Khu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CƠ BẢN (Tiếp theo)

2.1. Thuế (tiếp theo)

Do Chi Nhánh Hải Dương bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 01/2005 và đang còn trong giai đoạn ưu đãi miễn thuế TNDN nên chưa phát sinh nghĩa vụ thuế TNDN. Do đó số thuế TNDN phát sinh trong năm 2004 và còn phải nộp tại thời điểm cuối năm của Công ty là từ Trụ sở chính Đồng Nai, chi tiết như sau:

	Năm 2004	Năm 2003
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Tổng lãi theo số kế toán	* 68.587.525	31.298.988
Điều chỉnh tăng cho các khoản chi phí không được giảm trừ	382.678	179.240
Tổng lãi chịu thuế TNDN	68.970.203	31.478.228
Thuế suất thuế TNDN	15%	15%
Thuế TNDN dự phòng trong năm	10.345.530	4.721.734
Cộng: thuế TNDN bổ sung cho năm trước	-	311.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>10.345.530</u>	<u>5.032.912</u>

Ghi chú: * bao gồm cả lãi (2.313.769 VND'000) bán hàng hóa từ Trụ sở chính Đồng Nai ra Chi Nhánh Hải Dương

Các loại thuế khác, Công ty áp dụng theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách thức khác nhau nên số liệu của Báo cáo Tài chính có thể sẽ khác với số liệu của Cơ quan thuế.

格式化: 項目符號及編號

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ NỢ PHẢI TRẢ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Tổng cộng	Số quá hạn	Tổng cộng	Số quá hạn
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
1. Các khoản phải thu				
Phải thu thương mại	61.606.109	21.584.021	104.470.743	53.808.118
Tạm ứng	2.001	-	43.030	-
Trả trước cho người bán	-	-	546.607	-
Phải thu Bên liên quan	2.332.608	-	-	-
Các khoản phải thu khác	916.917	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(766.368)	-	(766.368)	-
2. Nợ phải trả				
2.1 Nợ dài hạn				
Vay dài hạn	10.717.021	-	41.577.968	-
2.2 Nợ ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	129.688.243	-	224.954.409	-
Vay dài hạn đến hạn trả	92.144.270	-	131.077.994	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.407.214	-	15.534.719	-
Phải trả thương mại	3.936.054	-	12.818.268	-
Người mua trả tiền trước	806.244	-	3.113.041	-
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	4.714.145	-	11.581.178	-
Phải trả cho công nhân viên	2.480.582	-	3.208.535	-
Phải trả các Bên liên quan	20.482.561	-	45.899.301	-
Phải trả khác	1.717.173	-	1.721.373	-

4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2004	31/12/2003
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí thể hội viên chơi golf	1.131.682	1.157.550
Chi phí trước hoạt động của Chi Nhánh Hải Dương	8.276.439	1.522.291
	9.408.121	2.679.841

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí thể hội viên chơi golf và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 50 năm.

Chi phí trước hoạt động của Chi Nhánh Hải Dương sẽ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm kể từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (tháng 01/2005) theo Công văn hướng dẫn số 4774 TC/CĐKT ngày 21/04/2005 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	(VNĐ'000)	(VNĐ'000)	(VNĐ'000)	(VNĐ'000)	(VNĐ'000)	(VNĐ'000)
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2004	35.968.206	102.319.230	4.394.028	1.550.067	2.064.827	146.296.358
Tăng trong năm	3.272.257	68.946.774	1.590.429	276.724	872.432	74.958.616
Giảm trong năm	(21.957)	(1.517.865)	-	(219.660)	(225.342)	(1.984.824)
Tại ngày 31/12/2004	39.218.506	169.748.139	5.984.457	1.607.131	2.711.917	219.270.150
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2004	13.922.539	47.092.258	1.889.134	1.244.452	988.320	65.136.703
Tăng trong năm	2.664.541	11.867.638	502.701	95.688	209.606	15.340.174
Giảm trong năm	(11.580)	(1.380.320)	-	(83.979)	(140.817)	(1.616.696)
Tại ngày 31/12/2004	16.575.500	57.579.576	2.391.835	1.256.161	1.057.109	78.860.181
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2004	22.045.667	55.226.972	2.504.894	305.615	1.076.507	81.159.655
Tại ngày 31/12/2004	22.643.006	112.168.563	3.592.622	350.970	1.654.808	140.409.969

6. VAY NGẮN HẠN

Tên Ngân Hàng	Hạn mức vay USD	Lãi suất	31/12/2004		31/12/2003
			USD	VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Thương mại Chinfon (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	6.000.000	Sibor + 1% Sibor + 1.15%	4.919.675	77.665.851	45.850.550
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	3.000.000	Sibor + 1.25%	2.759.513	43.567.184	36.589.067
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	1.500.000	Sibor 6 tháng + 1%	623.572	9.844.959	9.704.653
Cộng			8.302.760	131.077.994	92.144.270

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatruster - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các khoản vay từ Ngân hàng Chinfon - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh bao gồm 2 hạn mức vay (tín dụng) với giá trị mỗi hạn mức là 3.000.000 USD. Khoản hạn mức đầu tiên được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan). Khoản hạn mức thứ hai được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

7. VAY DÀI HẠN

Tên Ngân hàng	Hạn mức vay USD	Lãi suất	31/12/2004		31/12/2003
			USD	VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Indovina (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	1.500.000	SIBOR 6 tháng + 1.5%	286.704	4.526.483	6.730.807
Ngân hàng thương mại Quốc tế Trung Quốc (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	500.000	SIBOR 6 tháng + 1%	221.629	3.499.078	4.459.768
Ngân hàng thương mại Chinfon (Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh)	3.500.000	SIBOR + 1.25%	3.111.112	49.087.126	2.933.660
Cộng			3.619.445	57.112.687	14.124.235
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả				(15.534.719)	(3.407.214)
Vay dài hạn				41.577.968	10.717.021

Khoản vay từ Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh được hoàn trả trong bốn mươi chín (49) tháng bắt đầu từ ngày 17 tháng 12 năm 2001. Khoản vay này được đảm bảo bằng một phần nhà xưởng và máy móc, thiết bị của Trụ sở chính Đồng Nai với giá trị còn lại khoảng 8.276.920 VNĐ'000 tại ngày 31 tháng 12 năm 2004.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh được ân hạn một năm kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên và được hoàn trả bằng chín (09) lần với thời hạn sáu tháng/ lần. Khoản vay này được thế chấp bằng một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Trụ sở chính Đồng Nai với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 khoảng 4.079.815 VNĐ'000.

Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh được hoàn trả trong chín (09) lần với thời hạn sáu tháng/lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2004. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị của Chi Nhánh Hải Dương.

8. VỐN PHÁP ĐỊNH

	Vốn pháp định	Lợi nhuận để lại	Chênh lệch tỷ giá	Tổng
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Tại ngày 1/1/2003	100.168.576	10.699.219	-	110.867.795
Vốn góp từ lợi nhuận để lại	36.965.295	-	-	36.965.295
Lãi trong năm	-	26.266.076	-	26.266.076
Lợi nhuận để lại sử dụng cho phần vốn góp	-	(36.965.295)	-	(36.965.295)
Tại ngày 1/1/2004	137.133.871	-	-	137.133.871
Vốn góp	45.542.400	-	-	45.542.400
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(75.191)	(75.191)
Lãi trong năm	-	55.928.226	-	55.928.226
Tại ngày 31/12/2004	182.676.271	55.928.226	(75.191)	238.529.306

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Vốn đầu tư và vốn pháp định của Công ty tương ứng là 21.444.240 USD và 14.226.023 USD (2003: 21.444.240 USD và 13.114.072 USD). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004, vốn pháp định đã được góp đủ như sau:

Tên chủ đầu tư	Theo Giấy phép đầu tư USD	Vốn góp thực tế tại				
		31/12/2004			31/12/2003	
		USD	VNĐ'000	%	USD	VNĐ'000
Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan)		10.559.290	137.004.349	75	8.159.290	99.291.949
Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Great China (Đài Loan)		3.666.733	45.671.922	25	3.166.733	37.841.922
Cộng	14.226.023	14.226.023	182.676.271	100	11.326.023	137.133.871

Do Công ty thành lập theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nên Công ty không phát hành cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2004. Căn cứ vào giá trị góp vốn pháp định đã được thỏa thuận giữa hai bên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya và Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Great China, cùng chia phần sở hữu Công ty theo tỷ lệ vốn thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2004.

9. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch sau với Công ty Cổ phần Hữu hạn Dây và Cáp điện Taya (Đài Loan) như sau:

	Năm 2004 VNĐ'000	Năm 2003 VNĐ'000
Doanh thu bán hàng	5.516.804	7.251.973
Mua nguyên vật liệu	417.286.426	193.566.030
Mua tài sản cố định	-	1.794.483

10. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2004 VNĐ'000	31/12/2003 VNĐ'000
Trong vòng một năm	1.722.871	1.707.921
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.483.059	7.321.890
Sau năm năm	102.635.876	97.475.142
	111.841.806	106.504.953

Chi phí tiền thuê đất hàng năm cho Trụ sở chính Đồng Nai bao gồm chi phí thuê đất hàng năm là 83.266 USD và chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng hàng năm là 25.859 USD trong vòng 50 năm, kể từ ngày 07/09/1992. Tiền thuê đất này có thể được tăng định kỳ là 15% sau 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAMKhu Công nghiệp Biên Hòa II - Thành Phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**B09-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Thêm vào đó, sau giai đoạn được miễn tiền thuê đất 07 năm kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty phải trả tiền thuê đất cho Chi nhánh Hải Dương hàng năm là 5.957 USD cho đến ngày 07/09/2042. Tiền thuê đất này có thể được tăng định kỳ là 15% sau 05 năm.

11. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2004	Năm 2003
1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	42,44	34,15
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	57,56	65,85
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,91	51,16
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,09	48,84
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	<i>lần</i>	1,89	1,95
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	1,30	1,40
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	<i>lần</i>	0,14	0,13
3. Tỷ suất lợi nhuận			
3.1. Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	14,30	9,30
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	12,07	7,80
3.2. Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	13,08	11,15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	11,04	9,35
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	23,45	19,15

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày trên các Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm nay.

Chiu Chin Teng
Phó Tổng Giám Đốc

Chen Ping Sen
Tổng Giám Đốc
 Ngày 25 tháng 06 năm 2005